

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TONIMER VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TONIMER VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TONIMER VIETNAM PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TONIMER VN PHARMA.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110510282

**3. Ngày thành lập:** 16/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô BT12, khu đô thị Đại Kim, số 1 phố Nguyễn Cảnh Dị, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0384521451

Fax:

Email: [tonimervietnam@gmail.com](mailto:tonimervietnam@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                     | 4620        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4649(Chính) |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                            | 4659        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                          | 4669        |
| 6.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8292        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(Trừ động đầu giá, Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tởc ký)                                                                                                                                                                      | 8299        |
| 8.  | Quảng cáo<br>(Trừ các hoạt động quy định tại Điều 7 Luật Quảng cáo 2012)                                                                                                                                                                                                                                   | 7310        |
| 9.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1623        |
| 10. | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                        | 1702        |
| 11. | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(Luật Hóa chất 2007, Nghị định 113/2017/NĐ-CP)(Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật).                                                                                                                                                             | 2011        |
| 12. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>(Điều 32 Luật Dược năm 2016 và Thông tư 11/2018/TT-BYT)<br>(Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật).                                                                                                                                   | 2100        |
| 13. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2220        |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 6,7,8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) | 4932        |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933        |
| 16. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                    | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | PHẠM VIỆT<br>HÙNG  | Số 02 ngách 35,<br>ngõ 18 phố<br>Lương Yên,<br>Phường Bạch<br>Đằng, Quận Hai<br>Bà Trưng, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 240.000       | 2.400.000.000            | 80,000       | 0300820098<br>74                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                            | Tổng số                            | 240.000       | 2.400.000.000            | 80,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>VĂN KHOA | Thôn Bến, Xã<br>Liên Chung,<br>Huyện Tân Yên,<br>Tỉnh Bắc Giang,<br>Việt Nam                                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 15.000        | 150.000.000              | 5,000        | 0240820213<br>44                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                            | Tổng số                            | 15.000        | 150.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                        |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | THÁI MINH DŨNG | Phố Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 45.000 | 450.000.000 | 15,000 | 040082008711 |
|   |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                        | Tổng số                   | 45.000 | 450.000.000 | 15,000 |              |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM VIỆT HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 30/03/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030082009874

Ngày cấp: 26/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 02 ngách 35, ngõ 18 phố Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 02 ngách 35, ngõ 18 phố Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội